

Số: 1033/QĐ-UBND

Ái Quốc, ngày 24 tháng 8 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc phê duyệt dự án: Nâng cấp, cải tạo đường từ cầu ông Rư đến đến
nghĩa trang nhân dân thôn Quân Trạch, xã Ái Quốc**

ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ ÁI QUỐC

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Đầu tư công số 58/2024/QH15 và Luật số 90/2025/QH15 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đấu thầu, Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư, Luật Hải quan, Luật Thuế giá trị gia tăng, Luật Thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu, Luật Đầu tư, Luật Đầu tư công, Luật Quản lý, sử dụng tài sản công;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước số 89/2025/QH15;

Căn cứ Luật Xây dựng số 135/2025/QH15 ngày 10 tháng 12 năm 2025;

Căn cứ Nghị định số 85/2025/NĐ-CP ngày 08 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công;

Căn cứ Nghị định số 206/2026/NĐ-CP ngày 15 tháng 6 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết về quản lý chi phí đầu tư xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 207/2026/NĐ-CP ngày 15 tháng 6 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Xây dựng về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 217/2026/NĐ-CP ngày 19 tháng 6 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Xây dựng về quản lý hoạt động xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 36/2026/TT-BXD ngày 26 tháng 6 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng hướng dẫn một số nội dung xác định và quản lý chi phí đầu tư xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 37/2026/TT-BXD ngày 26 tháng 6 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng hướng dẫn phương pháp xác định mức dự toán và các chỉ tiêu kinh tế - kỹ thuật;

Căn cứ Thông tư số 38/2026/TT-BXD ngày 26 tháng 6 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng ban hành định mức xây dựng;

Căn cứ Quyết định số 38/2026/QĐ-UBND ngày 09 tháng 7 năm 2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hưng Yên ban hành Quy định phân cấp, phân công nhiệm vụ trong quản lý hoạt động xây dựng trên địa bàn tỉnh Hưng Yên;



Căn cứ Quyết định số 225/QĐ-UBND ngày 22 tháng 9 năm 2025 của Sở Xây dựng tỉnh Hưng Yên về việc công bố đơn giá nhân công xây dựng trên địa bàn tỉnh Hưng Yên;

Căn cứ Quyết định số 258/QĐ-UBND ngày 06 tháng 10 năm 2025 của Sở Xây dựng tỉnh Hưng Yên về việc công bố bảng giá ca máy và thiết bị thi công xây dựng trên địa bàn tỉnh Hưng Yên;

Căn cứ Công văn số 3385/SXD-KT&VLXD ngày 02 tháng 7 năm 2026 của Sở Xây dựng tỉnh Hưng Yên về việc cập nhật chuyển đổi nhân công theo nhóm theo quy định tại Thông tư số 37/2026/TT-BXD ngày 26 tháng 6 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng;

Căn cứ Thông báo số 396/TB-SXD ngày 07 tháng 8 năm 2026 của Sở Xây dựng tỉnh Hưng Yên về việc công bố thông tin giá vật liệu xây dựng, thiết bị công trình tháng 7 năm 2026 trên địa bàn tỉnh Hưng Yên;

Căn cứ Quyết định số 826/QĐ-UBND ngày 11 tháng 12 năm 2025 của Ủy ban nhân dân xã Ái Quốc về việc phê duyệt chủ trương đầu tư xây dựng Dự án: Đường giao thông từ cầu Ông Rư đến chân đê thôn Quân Trạch kết nối với xã Tây Tiền Hải (bao gồm đoạn tuyến từ nhà ông Phi đến Nhà máy gạch Sông Hồng);

Căn cứ Quyết định số 803/QĐ-UBND ngày 07 tháng 7 năm 2026 của Ủy ban nhân dân xã Ái Quốc về việc phê duyệt điều chỉnh chủ trương đầu tư Dự án: Nâng cấp, cải tạo đường từ cầu Ông Rư đến nghĩa trang nhân dân thôn Quân Trạch, xã Ái Quốc;

Căn cứ Báo cáo kết quả thẩm tra thiết kế bản vẽ thi công và dự toán xây dựng công trình số 95/2026/BCTT-ĐTHN ngày 19 tháng 8 năm 2026 của Công ty cổ phần đầu tư xây dựng và đấu thầu Hà Nội;

Căn cứ Báo cáo thẩm định Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng Dự án: Nâng cấp, cải tạo đường từ cầu Ông Rư đến nghĩa trang nhân dân thôn Quân Trạch, xã Ái Quốc số 130/BCTĐ-KT ngày 21 tháng 8 năm 2026 của Phòng Kinh tế xã Ái Quốc.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt dự án Nâng cấp, cải tạo đường từ cầu Ông Rư đến nghĩa trang nhân dân thôn Quân Trạch, xã Ái Quốc, với các nội dung chủ yếu như sau:

1. Tên dự án: Nâng cấp, cải tạo đường từ cầu Ông Rư đến nghĩa trang nhân dân thôn Quân Trạch, xã Ái Quốc.

2. Loại, nhóm dự án; loại, cấp công trình chính; thời hạn sử dụng của công trình chính theo thiết kế:

3. Loại, nhóm dự án: Dự án đầu tư xây dựng công trình giao thông, dự án nhóm C.

- Loại, cấp công trình chính: Công trình giao thông, cấp IV.
- Thời hạn sử dụng của công trình chính theo thiết kế: Theo quy định của pháp luật về quản lý chất lượng và bảo trì công trình xây dựng và hồ sơ thiết kế được phê duyệt.

3. Người quyết định đầu tư: Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã Ái Quốc.

4. Chủ đầu tư: Ủy ban nhân dân xã Ái Quốc.

5. Địa điểm xây dựng, hướng tuyến:

- Địa điểm xây dựng: Xã Ái Quốc, tỉnh Hưng Yên.

- Hướng tuyến: Tuyến đường từ cầu Ông Rur đến nghĩa trang nhân dân thôn Quân Trạch, xã Ái Quốc; tổng chiều dài tuyến khoảng 1.042 m, theo hồ sơ Báo cáo kinh tế - kỹ thuật và thiết kế bản vẽ thi công được thẩm định.

6. Nhà thầu khảo sát xây dựng: Công ty Cổ phần tư vấn và đầu tư xây dựng THD Thái Bình.

7. Nhà thầu lập Báo cáo kinh tế - kỹ thuật, thiết kế bản vẽ thi công và dự toán xây dựng: Công ty Cổ phần tư vấn và đầu tư xây dựng THD Thái Bình.

8. Đơn vị thẩm tra thiết kế bản vẽ thi công và dự toán: Công ty cổ phần đầu tư xây dựng và đấu thầu Hà Nội.

9. Mục tiêu đầu tư:

- Hoàn thiện hệ thống kết cấu hạ tầng giao thông theo quy hoạch và định hướng phát triển của địa phương.

- Tăng cường kết nối giao thông giữa xã Ái Quốc với các khu vực lân cận; tạo điều kiện thuận lợi cho giao thương, phát triển kinh tế - xã hội.

- Đáp ứng nhu cầu đi lại, vận chuyển hàng hóa của nhân dân; góp phần bảo đảm quốc phòng, an ninh và xây dựng nông thôn mới nâng cao.

- Từng bước chỉnh trang hạ tầng kỹ thuật, cải thiện môi trường và cảnh quan khu vực.

10. Quy mô đầu tư xây dựng:

10.1. Tuyến đường

Tuyến đường có tổng chiều dài khoảng 1.042 m, được chia thành các đoạn tuyến như sau:

a) Đoạn Km0+00 - Km0+660.16:

- Bề rộng mặt đường: $B_m = 6,0$ m;

- Bề rộng lề đường bên trái tuyến, trùng giằng đỉnh kè: $B_t = 0,45$ m;

- Bề rộng lề đường bên phải tuyến theo hiện trạng, trung bình: $B_p = 0,50$ m;

- Bề rộng nền đường: $B_n = 6,95$ m;

- Kết cấu mặt đường bằng bê tông nhựa chặt C16 dày 7 cm trên hệ móng cấp phối đá dăm theo hồ sơ thiết kế được thẩm định.

b) Đoạn Km0+660.16 - Km0+800.15:



- Giữ nguyên mặt đường bê tông xi măng hiện trạng, chiều rộng trung bình $B_m = 3,0$ m;

- Bề rộng lề đất bên trái tuyến: $B_t = 0,50$ m;
- Bề rộng lề đất bên phải tuyến: khoảng 1,0 m theo hiện trạng;
- Bề rộng nền đường: $B_n = 4,50$ m;
- Thực hiện sửa chữa, gia cố các vị trí cần thiết theo hồ sơ thiết kế được duyệt.

c) Đoạn Km0+800.15 - Km1+005.04:

- Bề rộng mặt đường: $B_m = 3,0$ m;
- Bề rộng lề đường bên trái tuyến: $B_t = 0,50$ m;
- Bề rộng lề đường bên phải tuyến: $B_p = 0,50$ m;
- Bề rộng nền đường: $B_n = 4,0$ m;
- Kết cấu mặt đường bê tông xi măng M300 dày 16 cm trên lớp móng cấp phối đá dăm loại II dày 12 cm, có lớp nilon chống mất nước theo thiết kế.

d) Đoạn Km1+005.04 - Km1+042:

- Giữ nguyên mặt đường đá hiện trạng, thực hiện các công việc sửa chữa, hoàn thiện cần thiết theo hồ sơ thiết kế được duyệt.

10.2. Công trình trên tuyến

- Thiết kế 06 cống có kích thước $B \times H = (0,5 \times 0,7)$ m tại các vị trí Km0+166.06; Km0+240.08; Km0+268.31; Km0+343.12; Km0+435.30; Km0+548.84.

- Thiết kế 01 cống có kích thước $B \times H = (2,5 \times 2,0)$ m tại Km0+398.97, bên trái tuyến.

- Thiết kế 01 cống có kích thước $B \times H = (3,0 \times 2,5)$ m tại Km0+647.15, bên trái tuyến.

- Thiết kế máng nổi và hệ thống máng xây gạch tại Km0+641.30.

- Thiết kế tường kê đá học xây tại các vị trí lấn mương bên trái tuyến.

- Xây dựng, hoàn thiện các công trình thoát nước, kè bảo vệ, công trình phụ trợ và hệ thống an toàn giao thông theo hồ sơ thiết kế được thẩm định.

10.3. Giải pháp xử lý nền đường

- Nền đường đắp bằng cát, lề đường đắp bằng đất dính.

- Độ chặt yêu cầu dưới nền đường $K \geq 0,95$; lớp ngay sát đáy áo đường đạt $K \geq 0,98$, chiều dày 30 cm đối với mặt đường bê tông xi măng và 50 cm đối với mặt đường bê tông nhựa; lớp đất đắp lề đường đạt $K \geq 0,90$.

- Nền đường đắp đất thông thường sử dụng taluy 1:1,5; nền đường đào đất thông thường sử dụng taluy đào 1:1,0.

- Trước khi đắp nền thực hiện đào cấp, vét bùn và vét hữu cơ theo hồ sơ thiết kế và chỉ dẫn kỹ thuật được phê duyệt.

10.4. Kết cấu áo đường

- Đoạn Km0+00 - Km0+660.16: bê tông nhựa chặt C16 dày 7 cm; tưới nhựa thấm bám hàm lượng 1,0 kg/m²; cấp phối đá dăm loại I dày 15 cm; cấp phối đá dăm loại II dày 20 cm.

- Đoạn Km0+660.16 - Km0+800.15: giữ nguyên mặt đường bê tông xi măng hiện trạng; sửa chữa, gia cố theo thiết kế.

- Đoạn Km0+800.15 - Km1+005.04: bê tông xi măng M300 dày 16 cm; lớp nilon chống mất nước; cấp phối đá dăm loại II dày 12 cm.

- Đoạn Km1+005.04 - Km1+042: giữ nguyên mặt đường đá hiện trạng và thực hiện hoàn thiện theo thiết kế.

10.5. Kết cấu vuốt nổi đường ngang

Theo hồ sơ thiết kế được thẩm định, gồm:

- Bê tông nhựa chặt C16 dày 7 cm;
- Tưới nhựa thấm bám hàm lượng 1,0 kg/m²;
- Cấp phối đá dăm loại I dày trung bình 10 cm;
- Cày xới mặt đường cũ.

10.6. Cổng, tường kè, máng thoát nước và các công trình phụ trợ

Thực hiện theo hồ sơ thiết kế bản vẽ thi công và dự toán đã được thẩm tra, thẩm định, bao gồm cổng đúc sẵn, cổng đổ tại chỗ, tường kè đá hộc, tường kè xây gạch, hệ thống máng nổi, máng xây và các công trình thoát nước khác trên tuyến.

10.7. Điện chiếu sáng

- Bố trí cột điện chiếu sáng phía bên trái tuyến với khoảng cách trung bình khoảng 30 m/cột.

- Cột chiếu sáng dạng bát giác, cần rời, chiều cao khoảng 7,0 m; sử dụng đèn LED công suất 120 W.

- Móng cột bê tông xi măng M150 đổ tại chỗ.

- Cấp điện ngầm Cu/XLPE/DSTA/PVC 3x16+1x10 và ống nhựa xoắn bảo vệ D65/60; dây lên đèn sử dụng dây PVC 2x2,5.

- Điểm cấp điện: đấu nối vào điểm cấp điện hiện trạng tại Nhà văn hóa thôn Quân Trạch theo hồ sơ thiết kế và các thỏa thuận có liên quan.

10.8. Hệ thống báo hiệu đường bộ

Thiết kế và lắp đặt hệ thống báo hiệu đường bộ, bảo đảm an toàn giao thông theo quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật hiện hành và hồ sơ thiết kế được phê duyệt.

11. Danh mục quy chuẩn kỹ thuật, tiêu chuẩn áp dụng chủ yếu:

- Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về báo hiệu đường bộ QCVN 41:2024/BGTVT;

- TCVN 13592:2022 - Đường đô thị - Yêu cầu thiết kế;



- TCVN 4054:2005 - Đường ô tô - Yêu cầu thiết kế;
- TCCS 38:2022/TCĐBVN - Áo đường mềm - Các yêu cầu và chỉ dẫn kỹ thuật;
- TCVN 8859:2023 - Lớp móng cấp phối đá dăm trong kết cấu áo đường ô tô - Vật liệu, thi công và nghiệm thu;
- TCVN 8857:2023 - Lớp kết cấu áo đường ô tô bằng cấp phối thiên nhiên - Vật liệu, thi công và nghiệm thu;
- TCVN 13576-1:2022 - Lớp mặt đường bằng hỗn hợp nhựa nóng - Thi công và nghiệm thu, phần 1: Bê tông nhựa chặt sử dụng nhựa đường thông thường;
- TCVN 13576-2:2022 - Lớp mặt đường bằng hỗn hợp nhựa nóng - Thi công và nghiệm thu, phần 2: Bê tông nhựa chặt sử dụng nhựa đường polyme;
- TCVN 8865:2011 - Mặt đường ô tô - Phương pháp đo và đánh giá độ bằng phẳng theo chỉ số độ gồ ghề quốc tế IRI;
- TCVN 8791:2018 - Sơn tín hiệu giao thông - Vật liệu kẻ đường quang dẻo nhiệt;
- TCVN 7887:2018 - Màng phản quang dùng cho đường bộ;
- Các quy chuẩn kỹ thuật, tiêu chuẩn, quy trình, quy phạm kỹ thuật hiện hành có liên quan.

12. Tổng mức đầu tư xây dựng:

Tổng mức đầu tư xây dựng được phê duyệt là: **19.884.509.000 đồng** (Bằng chữ: Mười chín tỷ, tám trăm tám mươi tư triệu, năm trăm linh chín nghìn đồng).

Trong đó:

- Chi phí xây dựng:	17.536.109.742	đồng
- Chi phí quản lý dự án:	432.456.649	đồng
- Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng:	1.169.510.217	đồng
- Chi phí khác:	347.716.713	đồng
- Chi phí Giải phóng mặt bằng:	9.000.000	đồng
- Chi phí dự phòng:	389.715.866	đồng

13. Nguồn vốn đầu tư: Nguồn vốn ngân sách xã và các nguồn vốn huy động hợp pháp khác.

14. Thời gian thực hiện dự án: Năm 2026 - 2027.

15. Hình thức tổ chức quản lý dự án: Chủ đầu tư thuê tổ chức tư vấn quản lý dự án theo quy định của pháp luật.

16. Diện tích sử dụng đất: Theo hồ sơ khảo sát, thiết kế và phạm vi thực hiện dự án được cấp có thẩm quyền chấp thuận; chủ đầu tư có trách nhiệm xác định, quản lý và sử dụng đất đúng phạm vi được giao, được chấp thuận theo quy định của pháp luật.

17. Yêu cầu về quản lý, khai thác và bảo trì công trình: Sau khi công trình hoàn thành, nghiệm thu và bàn giao đưa vào sử dụng, chủ đầu tư và đơn vị được giao quản lý công trình có trách nhiệm tổ chức quản lý, khai thác, bảo trì công trình theo quy định của pháp luật về xây dựng và các quy định pháp luật có liên quan.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Ủy ban nhân dân xã Ái Quốc, với tư cách chủ đầu tư, chịu trách nhiệm tổ chức triển khai thực hiện dự án theo đúng nội dung dự án được phê duyệt; quản lý tiến độ, chất lượng, khối lượng, chi phí, an toàn lao động, bảo vệ môi trường và các nội dung khác theo quy định của pháp luật.

2. Phòng Kinh tế xã Ái Quốc có trách nhiệm thực hiện chức năng cơ quan chuyên môn được giao quản lý xây dựng cấp xã; theo dõi, hướng dẫn và tham mưu Ủy ban nhân dân xã tổ chức thực hiện các bước tiếp theo của dự án theo thẩm quyền và quy định của pháp luật.

3. Chủ đầu tư thực hiện đóng dấu phê duyệt hồ sơ thiết kế bản vẽ thi công theo quy định.

4. Việc lựa chọn nhà thầu, ký kết và quản lý hợp đồng, thi công xây dựng, giám sát thi công, nghiệm thu, thanh toán, quyết toán, bảo hành, bàn giao và đưa công trình vào khai thác sử dụng phải thực hiện đúng quy định của pháp luật về đầu tư công, xây dựng, đấu thầu, ngân sách nhà nước và các quy định pháp luật có liên quan.

5. Trong quá trình thực hiện, trường hợp phát sinh nội dung làm thay đổi mục tiêu, quy mô, tổng mức đầu tư hoặc các nội dung khác thuộc trường hợp phải điều chỉnh dự án theo quy định của pháp luật thì chủ đầu tư phải báo cáo người quyết định đầu tư xem xét, quyết định trước khi thực hiện.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân xã; Trưởng Phòng Kinh tế; Trưởng các phòng chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân xã; Chủ đầu tư; các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. / *[Signature]*

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Chủ tịch, các phó chủ tịch UBND xã;
- Lưu VP. *[Signature]*



Đặng Xuân Diệu